

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG CHUYỂN GIÁ TRÓN THUẾ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

STUDYING THE CURRENT SITUATION OF PRICING TRANSFER FOR TAX EVASION OF FOREIGN - INVESTED ENTERPRISES IN VIETNAM

Huỳnh Thị Kim Hà

Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin, Đại học Đà Nẵng; huynhthikimha@yahoo.com

Tóm tắt - Thuế là một trong những nguồn thu chủ yếu và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách nhà nước, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo thống kê của Cục đầu tư nước ngoài, tính đến 31/12/2014 có 101 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam với 17.768 dự án, tổng vốn đăng ký 252.715 tỷ USD. Tuy nhiên, báo cáo của thanh tra Cục thuế trong những năm gần đây cho thấy ngân sách nhà nước hàng năm bị thất thoát không nhỏ từ hành vi chuyển giá trốn thuế của loại hình doanh nghiệp này. Bài viết khái quát cơ sở lý luận về chuyển giá, các hình thức chuyển giá, các dấu hiệu nhận biết chuyển giá và trình bày thực trạng chuyển giá trốn thuế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Từ khóa - thuế; ngân sách nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chuyển giá; trốn thuế.

Abstract - In Vietnam, tax is one of primary income sources and makes up a large proportion of state budget, much of which comes from foreign-invested enterprises. According to the Foreign Investment Agency under the Ministry of Planning and Investment, by 31/12/2014 there had been 101 nations and territories investing in Vietnam with 17.768 projects worth US \$252.715 billion. However, according to the inspectors' reports at General Department of Taxation in recent years, there have been a considerable loss from pricing transfer for tax evasion from this sector. This article present some theories, forms and signs of pricing transfer and the situation of tax evasion of foreign-invested enterprises in Vietnam.

Key words - tax; state budget; foreign-invested enterprise; pricing transfer; tax evasion.

1. Đặt vấn đề

Hội nhập kinh tế quốc tế thu hút ngày càng nhiều đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh những đóng góp tích cực, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã và đang bộc lộ những ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững của đất nước, nổi bật lên là tình trạng chuyển giá, trốn thuế gây thất thu ngân sách nhà nước và tác động không tốt đến môi trường đầu tư tại Việt Nam. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết này, tác giả trình bày sơ lược cơ sở lý luận về chuyển giá, thực trạng và một số đề xuất nhằm hạn chế tình trạng chuyển giá trốn thuế của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam hiện nay.

2. Một số vấn đề chung về chuyển giá

2.1. Khái niệm

Chuyển giá là việc thực hiện chính sách giá đối với hàng hóa, dịch vụ và tài sản được chuyển dịch giữa các thành viên trong tập đoàn qua biên giới không theo giá thị trường nhằm tối thiểu hóa số thuế của các công ty đa quốc gia (MNCs) trên toàn cầu [1].

Như vậy, chuyển giá là một hành vi do các chủ thể kinh doanh thực hiện nhằm thay đổi giá trị mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ, tài sản trong quan hệ giữa các bên liên kết.

Chuyển giá là hoạt động tối thiểu hóa nghĩa vụ đóng thuế trong kinh doanh thông qua việc vận dụng các điều khoản trong luật pháp nhằm tăng chi phí đầu vào, giảm giá đầu ra và lợi ích của một nhóm liên kết kinh tế [2].

Giá giao dịch có thể được xác định lại là do: quyền tự do định đoạt trong kinh doanh; các chủ thể trong cùng một tập đoàn hay nhóm liên kết có chung lợi ích nên sự khác biệt về giá không làm thay đổi lợi ích toàn cục; việc thay đổi giá tuy không làm thay đổi tổng lợi ích, nhưng lại làm

thay đổi tổng nghĩa vụ thuế do nghĩa vụ thuế được chuyển từ nơi bị điều tiết cao sang nơi bị điều tiết thấp hơn và ngược lại.

Các hình thức chuyển giá:

- Chuyển giá thông qua hình thức nâng giá trị tài sản vốn góp

Các MNCs có thể nâng giá trị vốn góp của mình bằng cách định giá cao các tài sản cố định hữu hình (máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ,...) hoặc lợi dụng vào sự khó khăn trong việc xác định giá trị của các tài sản vô hình (giá trị thương hiệu, bằng phát minh, sáng chế,...) để nâng không giá trị của các tài sản này. Việc nâng giá trị vốn góp được thể hiện như sau:

Đối với đầu tư dưới dạng liên doanh: Việc nâng giá trị tài sản đóng góp sẽ làm cho phần vốn góp của bên nâng giá trị góp vốn tăng, nhờ đó, tăng sự chi phối trong các quyết định liên quan đến hoạt động của dự án liên doanh và lợi nhuận được chia sẽ tăng. Ngoài ra, khi kết thúc hoạt động, tỷ lệ trị giá tài sản được chia cao hơn giúp các MNCs thu về dòng tiền cao hơn.

Đối với các công ty có 100% vốn đầu tư nước ngoài: Việc nâng giá trị tài sản vốn góp sẽ làm tăng mức khấu hao trích hàng năm, làm tăng chi phí đầu vào nhằm nhanh hoàn vốn đầu tư cố định, nhờ đó giảm thiểu rủi ro đầu tư, giảm mức thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp cho nước tiếp nhận đầu tư.

- Chuyển giá thông qua sự chênh lệch thuế suất giữa các quốc gia

Hình thức chuyển giá này được thực hiện dựa trên sự chênh lệch về thuế xuất nhập khẩu (XNK) và thuế TNDN giữa các quốc gia có trụ sở của MNCs. Phương pháp này được thực hiện theo các cách sau:

Thông qua việc điều tiết giá mua bán hàng hóa, thành phẩm, bán thành phẩm và các nguyên vật liệu: Nếu thuế nhập khẩu ở quốc gia có công ty nhập khẩu của MNCs cao thì giá các hàng hóa và thành phẩm sẽ được công ty mẹ bán với giá thấp để giảm thuế nhập khẩu phải nộp cho công ty con, đồng thời bù đắp việc bán với giá thấp bằng cách tính giá cao hơn với các hoạt động khác (tư vấn). Giữa 2 công ty của MNCs có quan hệ với nhau theo cách sản phẩm đầu ra của công ty này là đầu vào của công ty kia. Nếu thuế suất thuế TNDN của công ty đầu ra cao hơn công ty đầu vào thì công ty đầu ra sẽ bán cho công ty đầu vào với giá thấp, còn nếu thuế ở công ty đầu ra thấp hơn công ty đầu vào thì công ty đầu ra sẽ bán với giá cao hơn, qua đó MNCs có thể giảm được thuế TNDN phải nộp.

Thông qua chuyển giao công nghệ: Các MNCs sẽ xây dựng các phòng nghiên cứu và phát triển sản phẩm tại các quốc gia có thuế suất thuế TNDN cao. Tất cả các chi phí nghiên cứu phát triển sản phẩm sẽ do thành viên MNCs tại quốc gia có thuế suất cao này gánh chịu, nhưng kết quả của việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm thì các thành viên khác vẫn được áp dụng như nhau. Hoặc một chương trình quảng cáo nhằm xây dựng thương hiệu cho sản phẩm trên phạm vi khu vực, nhưng chi phí được phân bổ toàn bộ cho thành viên có trụ sở tại quốc gia có thuế suất cao.

2.1.1. Chuyển giá tài chính

MNCs thực hiện hình thức này bằng cách áp dụng các hình thức tài trợ khác nhau giữa các công ty con:

Các công ty con tạo ra cơ cấu vốn và nguồn vốn bất hợp lý như dùng nguồn vốn vay từ công ty mẹ để tài trợ cho tài sản cố định và tài sản đầu tư dài hạn, mà không tăng vốn góp và vốn chủ sở hữu nhằm đẩy chi phí hoạt động tài chính lên cao (chi phí chênh lệch tỷ giá, chi phí lãi vay) và chuyển một phần lợi nhuận về nước dưới dạng lãi vay, chi phí bảo lãnh vay vốn để tránh thuế, tránh lỗ do chênh lệch tỷ giá về sau. Hoặc là công ty mẹ sẽ buộc các công ty con đóng tại nước có thuế suất cao tài trợ bằng nợ vay nhiều hơn để hưởng lợi từ tấm chắn thuế, đồng thời sẽ chuyển phần vốn cổ phần cho công ty con ở quốc gia có thuế suất thấp hơn. Bằng cách này, các MNCs vẫn đảm bảo được cấu trúc vốn của toàn công ty, đồng thời dòng tiền chung của toàn công ty được tăng thêm. Trong thực tế, các quốc gia có thể không có lãi suất giống nhau, nên các công ty sẽ so sánh giá trị lợi thuế từ tấm chắn thuế và từ lãi vay để quyết định vấn đề vay vốn.

2.1.2. Chuyển giá thông qua hình thức nâng chi phí các đơn vị hành chính và quản lý

Các MNCs thực hiện hình thức này bằng cách khai cao các chi phí tư vấn, đào tạo chuyên viên, chuyển nhân viên từ các công ty con qua công ty mẹ học tập, hoặc ép các công ty con trả lương cao cho các chuyên viên đến từ công ty mẹ.

2.1.3. Chuyển giá thông qua các trung tâm tái tạo hóa đơn

Trung tâm tái tạo hóa đơn đóng vai trò người trung gian giữa công ty mẹ và các công ty con. Hàng hóa trên chứng từ hóa đơn được bán từ công ty sản xuất hàng hóa qua trung tâm tái tạo hóa đơn, và sau đó trung tâm này bán lại cho công ty phân phối bằng cách xuất hóa đơn và chứng từ kèm theo. Thông qua việc này sẽ định vị lại loại ngoại tệ của cả đơn vị sản xuất và trung tâm tái tạo hóa đơn. Nhưng trên

thực tế, hàng hóa được chuyển giao trực tiếp từ công ty sản xuất qua thẳng công ty phân phối mà không qua trung tâm tái tạo hóa đơn [3].

2.2. Các dấu hiệu nhận biết chuyển giá

Về lý thuyết, có nhiều dấu hiệu nhận biết một doanh nghiệp FDI có tồn tại hiện tượng chuyển giá hay không. Trên cơ sở báo cáo của cơ quan thanh tra thuế, một số dấu hiệu phổ biến sau cho thấy có thể tồn tại hiện tượng này tại các doanh nghiệp FDI:

2.2.1. Báo lỗ trong nhiều năm liên tục

Doanh nghiệp FDI thường xuyên khai báo lỗ trong hoạt động kinh doanh kể từ khi kết thúc thời gian ưu đãi về thuế, để tránh việc nộp các khoản thuế, phí nhưng vẫn liên tục mở rộng quy mô sản xuất – kinh doanh.

2.2.2. Định giá đầu vào cao hơn và giá đầu ra thấp hơn thị trường

Doanh nghiệp FDI nhập khẩu nguyên liệu, máy móc thiết bị đầu vào cho sản xuất từ chính các công ty mẹ ở nước ngoài với giá cao hơn nhiều so với giá trị thực tế, nhưng giá bán đầu ra cho các công ty thành viên lại thấp hơn giá thị trường, dẫn đến tình trạng thua lỗ, tác động đến sự sụt giảm mạnh giá cổ phiếu niêm yết.

2.2.3. Chi phí ban đầu cao

Doanh nghiệp FDI đầu tư quá nhiều cho các khoản chi phí ban đầu như tiền bản quyền cho việc sử dụng bí quyết kỹ thuật hoặc nhãn hiệu, xây dựng các phòng nghiên cứu và phát triển sản phẩm tại quốc gia có mức thuế suất cao, trong khi kết quả được áp dụng cho tất cả các công ty thành viên, chi phí đầu vào cho các dự án cao bất thường.

3. Thực trạng chuyển giá trốn thuế của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam

3.1. Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam

Chính sách mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Tính đến năm 2013, đã có 17.434 dự án với tổng số vốn đăng ký 268.691,6 triệu đô la Mỹ, trong đó tổng số vốn thực hiện 111.692,9 triệu đô la Mỹ (Bảng 1). Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đứng đầu cả về số dự án và tổng số vốn đầu tư (8.725 dự án, chiếm hơn 50% tổng số vốn đầu tư); kế đến là hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ với 1.526 dự án, nhưng chỉ chiếm gần 0,7% tổng số vốn đầu tư. Đứng thứ 2 về quy mô vốn đầu tư là hoạt động kinh doanh bất động sản với 407 dự án, chiếm gần 21% tổng số vốn đầu tư (Bảng 2).

Bảng 1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép thời kỳ 1991-2013 chia theo Năm và Phân tố

Năm	Số dự án	Tổng vốn đăng ký (Triệu đô la Mỹ)	Tổng số vốn thực hiện (Triệu đô la Mỹ)
1991	152	1.284,4	428,5
1992	196	2.077,6	574,9
1993	274	2.829,8	1.117,5
1994	372	4.262,1	2.240,6
1995	415	7.925,2	2.792,0
1996	372	9.635,3	2.938,2
1997	349	5.955,6	3.277,1

1998	285	4.873,4	2.372,4
1999	327	2.282,5	2.528,3
2000	391	2.762,8	2.398,7
2001	555	3.265,7	2.225,6
2002	808	2.993,4	2.884,7
2003	791	3.172,7	2.723,3
2004	811	4.534,3	2.708,4
2005	970	6.840,0	3.300,5
2006	987	12.004,5	4.100,4
2007	1.544	21.348,8	8.034,1
2008	1.171	71.726,8	11.500,2
2009	1.208	23.107,5	10.000,5
2010	1.237	19.886,8	11.000,3
2011	1.191	15.618,7	11.000,1
2012	1.287	16.348,0	10.046,6
Sơ bộ 2013	1.530	22.352,2	11.500,0

Nguồn: Tổng cục thống kê

Bảng 2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép phân theo ngành kinh tế (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến 31/12/2013)

	Số dự án	Vốn đăng ký (Triệu đô la Mỹ) (*)
Tổng số	15.932	234.121,0
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	500	3.358,8
Khai khoáng	82	3.273,6
Công nghiệp chế biến, chế tạo	8.725	125.858,1
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	92	9.536,2
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	30	1.285,2
Xây dựng	1.046	10.292,6
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	1.125	3.588,2
Vận tải, kho bãi	382	3.563,1
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	341	10.739,5
Thông tin và truyền thông	937	4.029,6
Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	79	1.322,7
Kinh doanh bất động sản	407	49.043,1
Chuyên môn, khoa học và công nghệ	1.526	1.521,5
Hành chính và dịch vụ hỗ trợ	120	203,0
Giáo dục và đào tạo	179	742,7
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	91	1.339,8
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	142	3.676,2
Dịch vụ khác	128	747,1

Nguồn: Tổng cục thống kê

3.2. Môi trường pháp lý

Cùng với sự gia tăng cả về quy mô vốn đầu tư và số dự án của các doanh nghiệp FDI vào Việt Nam, hành vi chuyển giá cũng dần xuất hiện và phổ biến dưới nhiều hình thức khác nhau, đòi hỏi hành lang pháp lý của Việt Nam phải được hoàn thiện (Bảng 3).

Tuy đã có lộ trình mở cửa kinh tế từ rất sớm, nhưng đến năm 2005 pháp luật Việt Nam mới bắt đầu có những quy định về chuyển giá. Sự ra đời của Thông tư 74/1997/TT-BTC được xem là động thái đầu tiên của Chính phủ nhằm hóa giải vấn đề chuyển giá của các doanh nghiệp FDI.

Thông tư 117/2005/TT-BTC hướng dẫn việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết có hiệu lực từ ngày 27/01/2006, tuy nhiên đối tượng áp dụng chỉ là các doanh nghiệp FDI mà chưa áp dụng đối với các doanh nghiệp trong nước, do đó chưa có giải pháp chống chuyển giá nội địa. Thông tư 66/2010/TT-BTC là văn bản pháp lý đầu tiên về chống chuyển giá được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam, theo đó các quy định và các phương pháp xác định giá thị trường đã phù hợp với thông lệ quốc tế [4].

Thông tư 66 đã đưa ra những quy định về xử phạt và nhấn mạnh trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thuế trong việc ấn định thuế. Cơ quan thuế được quyền ấn định mức giá được sử dụng để kê khai tính thuế, ấn định thu nhập chịu thuế hoặc số thuế thu nhập phải nộp đối với cơ sở kinh doanh có giao dịch liên kết trong các trường hợp: tài liệu chứng từ không hợp pháp, hợp lệ hoặc không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ để xác định mức giá; tạo ra giao dịch độc lập giả mạo hoặc sắp đặt lại giao dịch liên kết thành giao dịch độc lập để so sánh; không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ các giao dịch liên kết phát sinh trong năm quyết toán thuế, không thực hiện đúng yêu cầu về thời hạn cung cấp các thông tin, dữ liệu và tài liệu để chứng minh cho việc kê khai, hạch toán giá thị trường đối với giao dịch liên kết.

Bảng 3. Hệ thống các văn bản pháp lý liên quan đến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Văn bản	Số hiệu	Nội dung	Ngày ban hành
Thông tư	74-TC/TCT	Hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20/10/1997
Thông tư	63/1998/TT-BTC	Hướng dẫn thực hiện một số quy định về thuế nhằm khuyến khích và đảm bảo hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam	13/05/1998
Thông tư	89/1999/TT-BTC	Hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	16/07/1999
Thông tư	13/2001/TT-BTC	Hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	08/03/2001
Thông tư	117/2005/TT-BTC	Hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết	19/12/2005
Thông tư	66/2010/TT-BCT	Hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết	22/04/2010
Luật	21/2012/QH 13	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế	20/11/2012

Nguồn: Tổng hợp từ website của Bộ tài chính

Việc bổ sung quy định về phương pháp xác định giá trị tính thuế đối với các doanh nghiệp có quan hệ liên kết trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế có hiệu lực từ ngày 01/07/2013 đã tạo hành lang pháp lý để thực hiện mạnh mẽ hơn công tác thanh tra chống chuyển

giá. Tuy nhiên, theo thông báo kết luận của Thanh tra Chính phủ số 276/TB-TTCT ngày 21/02/2014, việc xác định giá thị trường trong giao dịch liên kết còn nhiều hạn chế do không thể xác minh tại nước ngoài đối với dữ liệu, thông tin về dấu hiệu chuyển giá của các doanh nghiệp FDI, trong đó có doanh nghiệp chế xuất; sự phối kết hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan hải quan còn lỏng lẻo trong việc xác định căn cứ về trị giá tính thuế.

Nhìn chung, những quy định liên quan đến vấn đề chuyển giá đã được ban hành tại Việt Nam theo hướng phù hợp với các thông lệ quốc tế về chống chuyển giá của tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD) đang được nhiều nước trên thế giới áp dụng, tạo cơ sở cho công tác giám sát hoạt động của các doanh nghiệp FDI ngày càng hiệu quả hơn.

Như vậy có thể thấy rằng hành lang pháp lý liên quan đến lĩnh vực đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hiện nay đã dần hoàn thiện sau nhiều lần bổ sung sửa đổi, tạo cơ sở nhất định cho hoạt động của ngành thuế trong đấu tranh chống chuyển giá của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI.

3.3. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Theo báo cáo của Thanh tra Chính phủ, biểu hiện chuyển giá được thể hiện đối với sản xuất gia công, đặc biệt ngành may mặc, da giày của các doanh nghiệp FDI, giá gia công phụ thuộc vào phía nước ngoài và thấp hơn chi phí, trong khi đó, doanh nghiệp lại chậm trả lương cho công nhân với số tiền lên đến hàng trăm tỷ đồng, lớn hơn doanh thu đã kê khai. Đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ thì xuất hiện chi phí quản lý của phía nước ngoài, chi phí chuyển giá, lãi vay ngân hàng, thương hiệu bản quyền,... ở mức rất cao. Một số hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài nước, chủ yếu với công ty mẹ hoặc doanh nghiệp trong cùng tập đoàn, không cụ thể, rõ ràng theo quan hệ mua bán bình thường. Các bên có thể thay đổi nội dung tùy tiện cả khi sắp hết thời gian thực hiện hợp đồng do bên mua, bên bán đều là “người một nhà”. Do đó, có những chi phí do phía nước ngoài chịu, nhưng doanh nghiệp tại Việt Nam vẫn hạch toán vào chi phí như nguyên vật liệu trong hợp đồng gia công, chi phí vận chuyển [5].

Theo số liệu công bố của Thanh tra Chính phủ, năm 2010, nhờ nỗ lực đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền kết hợp với thanh kiểm tra, 1.342 doanh nghiệp FDI tại Thành phố Hồ Chí Minh đã khai có lãi (chiếm 55,14% số doanh nghiệp phải nộp báo cáo quyết toán), tăng hơn 8% so với năm 2009, chủ yếu rơi vào những doanh nghiệp kê khai lỗ nhiều năm trước. Năm 2011, cơ quan thuế đã tiến hành thanh tra 1.276 doanh nghiệp có dấu hiệu chuyển giá và đã xử lý giảm lỗ 4.400 tỷ đồng, truy thu thuế và phạt 1.650 tỷ đồng. Năm 2012, qua thanh kiểm tra 312 doanh nghiệp khai lỗ, doanh nghiệp có dấu hiệu chuyển giá, Thanh tra Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã kiến nghị điều chỉnh giảm lỗ 2.688 tỷ đồng, giảm khấu trừ gần 28 tỷ đồng, truy thu 188 tỷ đồng, truy hoàn 3 tỷ đồng, phạt 85 tỷ đồng. Tại thành phố Hà Nội, qua 6.007 cuộc thanh kiểm tra, cơ quan thuế đã điều chỉnh giảm lỗ 1.075 tỷ đồng, truy thu và phạt 1.843 tỷ đồng, truy hoàn 110 tỷ đồng [6].

3.4. Một số hình thức chuyển giá điển hình

Chuyển giá thông qua hình thức nâng chi phí đầu vào là hình thức khá phổ biến được các doanh nghiệp FDI sử dụng tại Việt Nam bằng cách nâng chi phí đầu vào (chủ yếu là chi phí nguyên vật liệu nhập từ các công ty mẹ), giảm giá bán sản phẩm đầu ra nhằm tối thiểu hóa lợi nhuận, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Hình thức này thường xảy ra trong lĩnh vực gia công may mặc, da giày, sản xuất, kinh doanh chế xuất khẩu, sản xuất ô tô, rượu, bia, nước giải khát. Trường hợp điển hình: Công ty TNHH nước giải khát Coca Cola Việt Nam. Qua hơn 20 năm đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, Coca Cola liên tục báo lỗ trong khi doanh thu liên tục tăng từ 20-30%/năm và đã có kế hoạch đầu tư thêm 300 triệu USD tại Việt Nam. Trường hợp tương tự cũng xảy ra với Công ty PepsiCo Việt Nam, Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam. Bên cạnh đó, các hình thức chuyển giá thông qua chênh lệch thuế suất, nâng giá trị tài sản vốn góp và chi phí các đơn vị quản lý và hành chính cũng tương đối phổ biến tại Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, do đội ngũ thanh tra ngành thuế còn khá mỏng và hạn chế về kinh nghiệm chống chuyển giá, nên nhiều vụ việc cho đến nay vẫn chưa thể đưa ra kết luận chính xác là có tồn tại hành vi chuyển giá tại một số doanh nghiệp FDI hay không, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất và kinh doanh ô tô, gia công may mặc và da giày.

4. Một số đề xuất nhằm hạn chế hành vi chuyển giá trốn thuế của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam

4.1. Hoàn thiện hành lang pháp lý

Công tác chống chuyển giá tại Việt Nam hiện nay được kiểm soát theo các quy định chung về kiểm tra của ngành thuế, tuy nhiên, phương thức kiểm tra chung lại thiếu tính chuyên sâu cần thiết để nhận diện các hình thức chuyển giá và vẫn chưa có quy định riêng đối với việc xử lý các hành vi chuyển giá. Việc bổ sung điều luật chống chuyển giá vào Luật quản lý thuế tiến đến ban hành Luật chống chuyển giá và sớm ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện cơ chế thỏa thuận trước phương pháp xác định giá (APA) giữa cơ quan thuế với doanh nghiệp là thực sự cấp thiết nhằm hạn chế hành vi chuyển giá của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam.

4.2. Xây dựng cơ sở dữ liệu giá cả cho các giao dịch

Hiện nay, các cơ quan quản lý nhà nước đều xây dựng cơ sở dữ liệu theo cách thức riêng biệt phục vụ mục đích của từng cơ quan chức năng. Do đó, để có được một hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất làm nguồn số liệu để so sánh giá cả của các giao dịch, các cơ quan thuế, cơ quan hải quan, cơ quan thống kê, cơ quan tài chính và các công ty kiểm toán cần phải tăng cường hợp tác chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau trong công tác xây dựng cơ sở dữ liệu.

4.3. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hải quan và cán bộ quản lý thuế

Bên cạnh kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ và kiến thức, kỹ năng tin học là hai yếu tố quyết định sự thành công trong công tác kiểm soát hành vi chuyển giá trốn thuế của các doanh nghiệp FDI, cần đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học cho cán bộ hải quan, cán bộ chuyên trách công tác quản lý thuế các đơn vị FDI.

5. Kết luận

Cùng với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã và đang nỗ lực thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Vì thế, công tác chống gian lận, thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động chuyển giá cần được chính phủ đặc biệt quan tâm và nghiên cứu chuyên sâu nhằm xây dựng những giải pháp quản lý nhà nước thích hợp, đảm bảo môi trường đầu tư công bằng và hài hòa lợi ích của tất cả các chủ thể kinh tế tham gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Andrew Lymer & John Hasseldine, *The International Taxation System*, Kluwer Academic Publisher, 2002.
- [2] *Một số vấn đề chung về hoạt động chuyển giá của các doanh*

niệp, <http://www.ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/motsovandechungve-nd-16627.html>

- [3] *Chuyển giá thông qua hình thức nâng chi phí các đơn vị hành chính và quản lý*, <http://text.123doc.org/document/26077-chuyen-gia-thong-qua-hinh-thuc-nang-chi-phi-cac-don-vi-hanh-chinh-va-quan-ly-doc.htm>
- [4] Phạm Thị Mỹ Khuê, *Thực trạng chuyển giá ở Việt Nam và giải pháp khắc phục*, 2012
- [5] http://thanhtra.com.vn/thanh-tra/tap-trung-thanh-tra-cac-doanh-nghiep-co-dau-hieu-chuyen-gia_t114c2n55686
- [6] thanhtra.com.vn
- [7] <https://luattaichinh.wordpress.com/2014/03/21/van-de-chuyen-gi-cua-cc-doanh-nghiep-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoi-o-viet-nam-hien-nay/>
- [8] Nguyễn Thị Quỳnh Giang, *Chuyển giá trong các công ty đa quốc gia ở Việt Nam*, 2010.

(BBT nhận bài: 08/08/2015, phản biện xong: 01/12/2015)